

Bản án số: 104/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28 - 11 - 2018

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hưng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Phụng.

2. Ông Nguyễn Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 309/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Hồng H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Châu Văn N, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đặng Thị Hồng H trình bày:

Bà Đặng Thị Hồng H và ông Châu Văn N tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới vào năm 1992. Sau một thời gian chung sống, bà H và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 12 tháng 3 năm 2003. Sau đám cưới bà H và ông N chung sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng

có 02 con chung là cháu Châu Thị Kim N1, sinh ngày 22/9/1997 và cháu Châu Thị Kim N2, sinh ngày 02/11/1993 (bị bệnh thiểu não).

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng từ khi bà H sinh con thứ hai (năm 1997) thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông N chơi cờ bạc, lơ đãng gây nợ nần. Bà H yêu cầu ly hôn thì ông N không đồng ý và yêu cầu phải bán nhà thì sẽ đồng ý ly hôn. Sau đó, vợ chồng bà H đã bán căn nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh để trả nợ. Sau khi bán nhà, vợ chồng bà sống ly thân, ông N không đồng ý ly hôn và thường xuyên đến phòng trọ của bà và các con để quấy nhiễu.

Vào khoảng năm 2003, mẹ đẻ của bà H cho bà thừa đất tại tổ A, khu phố P, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên bà đưa các con về làm nhà. Sau đó, ông N cũng chuyển về sinh sống cho đến nay. Từ năm 2014, vợ chồng bà thường xuyên cãi vã nhau, ông N đòi ăn uống riêng, thường xuyên kêu mất tiền nghi ngờ cho bà và các con lấy tiền dẫn đến vợ chồng xô xát nhau. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm gì với ông N nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông N.

Về con chung và cấp dưỡng: Do cháu N2 bị bệnh thiểu não, không thể tự chăm sóc cho mình, hàng tháng được hưởng trợ cấp từ chính sách xã hội của Ủy ban nhân dân xã T nên khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Thị Kim N2, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Hiện bà H đang làm việc tại Công ty dịch vụ Đ, địa chỉ tại phường P, thị xã P, thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian còn lại, bà tranh thủ làm tạp vụ cho các cơ quan kiểm thêm thu nhập nên đủ điều kiện chăm sóc cháu N2. Đối với cháu Châu Thị Kim N1 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, ông Châu Văn N trình bày:

Ông N xác nhận ông và bà Đặng Thị Hồng H có chung sống, đăng ký kết hôn, có con chung như bà H trình bày ở trên là đúng. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do bà H ngoại tình, tự ý sắp xếp công việc gia đình, tự ý lấy tiền của ông mà không hỏi ý kiến ông. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý, ông đề nghị Tòa án cho cơ hội để đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Giữa bà Đặng Thị Hồng H và ông Châu Văn N có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn gia đình nên bà H nộp đơn yêu cầu ly hôn, Tòa án xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Bị đơn có nơi

cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, đồng thời được sự đồng ý của hai bên gia đình nên ông N và bà H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 43 ngày 12 tháng 3 năm 2003. Vì vậy; Hội đồng xét xử thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông N là hôn nhân hợp pháp. Hiện nay giữa ông N và bà H không còn tình cảm với nhau, bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông N ham chơi cờ bạc, lơ đãng gây nợ nần, có hành vi bạo lực gia đình còn ông N thì cho rằng bà H không chung thủy, không minh bạch trong việc chi tiêu gia đình.

Hội đồng xét xử nhận thấy, có cơ sở xác định cả bà H và ông N đều không có ý thức xây dựng cuộc sống chung, đổ lỗi cho nhau, vợ chồng không còn lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến hay cãi vã thậm chí đánh đập nhau khiến quan hệ căng thẳng trầm trọng tới mức không thể hàn gắn được. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông N và bà H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của bà H về việc yêu cầu được ly hôn với ông N.

[2.2] Về nuôi con chung, cấp dưỡng:

Xét yêu cầu của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Thị Kim N2 khi ly hôn thì thấy: Bà H hiện có việc làm, thu nhập ổn định; bản thân cháu N2 là con gái, mặc dù đã trên 18 tuổi nhưng bị thiếu năng trí tuệ nên cần sự chăm sóc, gần gũi của người mẹ, cháu cũng có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Ngân cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà H không yêu cầu cấp dưỡng nên ông N không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Châu Thị Kim N1 đã trưởng thành, bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Hồng H đối với ông Châu Văn N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn với ông N.

Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Châu Thị Kim N2, sinh ngày 02/11/1993 cho bà Đặng Thị Hồng H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Châu Văn N không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Châu Văn N và bà Đặng Thị Hồng H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Hồng H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003802 ngày 10/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Đặng Thị Hồng H đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- UBND Phường A, quận T, TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Xuân Hưng